

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2023

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VMG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 249/2023/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 06 năm 2023
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Truyền thông VMG)*

Căn cứ:

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 (Luật Doanh nghiệp).

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2023.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG.

Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (sau đây gọi tắt là “*Công ty VMG*”) bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty VMG quy định việc tổ chức và thực hiện công bố thông tin của Công ty VMG.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Công ty VMG
- b) Người nội bộ của Công ty VMG và Người có liên quan của Người nội bộ Công ty VMG;
- c) Người đại diện vốn của Công ty VMG tại các Công ty con do Công ty VMG sở hữu 100% vốn điều lệ, Công ty liên kết;
- d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích của việc công bố thông tin

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động của Công ty VMG; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và những người liên quan của Công ty, đồng thời chấp hành nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty VMG*: Công ty Cổ phần Truyền thông VMG
2. *Công ty đại chúng quy mô lớn*: là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán. Công ty VMG là công ty đại chúng quy mô lớn.
3. *“Người quản lý doanh nghiệp”* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty
4. *Người điều hành doanh nghiệp*: là các cá nhân bao gồm TGD, Phó TGD Công ty và Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng Công ty và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
5. *Người thực hiện công bố thông tin*: là khái niệm được quy định tại Điều 4 của Quy chế này.
6. *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020.
7. *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019.
8. *Nghị định 155*: là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. *Thông tư 96*: là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

10. *Thông tư 116*: là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

11. *Công bố thông tin định kỳ*: là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.

12. *Công bố thông tin bất thường*: là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn theo quy định của pháp luật sau khi xảy ra các sự kiện bất thường.

13. *Công bố thông tin theo yêu cầu*: là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo quy định của nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch.

14. *UBCKNN*: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

15. *SGDCK*: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

16. *TCTLKBTCKVN hoặc VSD*: Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

17. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

- a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- c) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.
- d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;

18. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm:

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

19. *Người có liên quan, nhóm người/nhóm nhà đầu tư có liên quan*: là tổ chức, cá nhân hoặc nhóm người có liên quan với nhau theo quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp; Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

20. *Ngày công bố thông tin*: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

21. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin*: là ngày gửi fax, mail, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước

22. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

23. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán và ngày hoàn tất giao dịch*: thực hiện theo quy định tại Khoản 11, Khoản 12 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

24. *Công ty con* là bất cứ công ty nào mà trong đó Công ty: (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Thành viên/Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc của công ty đó, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

25. *Công ty liên kết* là doanh nghiệp mà Công ty không nắm quyền chi phối, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Công ty theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký giữa công ty với Công ty VMG.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật bao gồm UBCKNN, SGDCK, TCTLKVBTKVN, Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Công ty phải báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục số I và bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số III ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC gửi đến UBCKNN, SGDCK.

2. Các đối tượng công bố thông tin khác:

Các đối tượng công bố thông tin khác khi thực hiện công bố thông tin phải gửi thông tin công bố đến Công ty, đồng thời gửi đến UBCKNN và SGDCK để báo cáo bao gồm:

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

- Người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, Công ty và các tổ chức chính trị - xã hội của Công ty.

- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 điều 6 thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

Việc công bố thông tin tuân thủ các nguyên tắc công bố thông tin theo quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc như sau:

1. Khi thực hiện công bố thông tin, Công ty VMG cần thực hiện công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và gửi thông tin công bố đến SGDCK, UBCKNN, VSD để báo cáo và công bố thông tin trên website/hệ thống công bố thông tin/cổng thông tin trực tuyến của SGDCK và UBCKNN. Thông tin công bố trên website nêu rõ thời điểm (ngày, giờ) công bố thông tin.

2. Người nội bộ, Người liên quan của Người nội bộ của Công ty, cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty khi thực hiện công bố thông tin phải gửi thông tin công bố đến Công ty, đồng thời gửi đến UBCKNN và SGDCK để báo cáo.

3. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời, thực hiện theo đúng biểu mẫu và bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định ban hành kèm theo Thông tư

96/2020/TT-BTC, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho người sử dụng thông tin.

4. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó theo các mẫu văn bản được quy định tại các Quy chế của SGDCK, Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt. SGDCK khuyến khích thực hiện công bố thông tin cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.

6. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu đối tượng đó đồng ý.

7. Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của UBCKNN/cơ quan có thẩm quyền, Công ty cần thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành nghị quyết/quyết định và trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của UBCKNN/cơ quan có thẩm quyền khác.

8. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm. Công ty thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của VSD;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Công ty VMG và các đối tượng thực hiện công bố thông tin sẽ gửi văn bản hợp lệ đến UBCKNN, SGDCK qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp. Trường hợp gửi thông tin qua fax/email/hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK, các đối tượng thực hiện công bố thông tin đồng thời gửi văn bản hợp lệ đến UBCKNN và SGDCK.

3. Trường hợp Công ty có thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử xảy ra sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin công bố đến nhà đầu tư, Công ty phải thông báo bằng văn bản đến SGDCK nêu rõ thời gian thay đổi và địa chỉ của trang thông tin điện tử mới, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin trong thời gian sớm nhất cho SGDCK.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty VMG thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty VMG được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty VMG có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 8. Công bố thông tin cho nhà đầu tư

Việc công bố thông tin cho nhà đầu tư được thực hiện dưới các hình thức đa dạng như Bản tin nhà đầu tư, Hội nghị nhà đầu tư (trực tuyến hoặc trực tiếp) và một số sự kiện, hoạt động quan hệ nhà đầu tư thường niên khác nhằm đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin chủ động cho nhà đầu tư và truyền thông những thông điệp đầu tư của Công ty VMG ra thị trường. Các chương trình quan hệ nhà đầu tư cần có sự phê duyệt của Tổng Giám đốc/Người thực hiện công bố thông tin.

Điều 9. Nguyên tắc chung về công bố thông tin cho nhà đầu tư

Các sự kiện và cuộc họp với nhà đầu tư sẽ tuân thủ các nguyên tắc chung, cụ thể như sau:

1. Không tiết lộ các số liệu, thông tin thuộc diện bảo mật hoặc số liệu kết quả kinh doanh ước tính nằm ngoài các thông tin trên Báo cáo tài chính gần nhất đã được công bố (trừ trường hợp cung cấp thông tin chuyên biệt phục vụ các dự án, thương vụ, sự kiện quan trọng được Lãnh đạo Công ty phê duyệt).

2. Trong một số trường hợp công bố thông tin có liên quan đến chỉ tiêu nghiệp vụ đặc thù của Đơn vị thành viên (doanh thu khai thác mới thực thu/quy năm, doanh thu phí bảo hiểm gốc...), Ban Truyền thông – Thương hiệu phối hợp/yêu cầu các Ban chức năng, Đơn vị thành viên có liên quan cung cấp, rà soát, đảm bảo tính cập nhật, chính xác của các số liệu kinh doanh đặc thù.

3. Các tài liệu đã được sử dụng để công bố thông tin cần được lưu trữ để làm nguồn tư liệu tham khảo, đối chiếu, đảm bảo sự nhất quán trong các chương trình truyền thông.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

1. Công bố thông tin về báo cáo tài chính

a) Công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty VMG thực hiện công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Trường hợp nếu ko có công ty con/công ty liên kết thì chỉ thực hiện BCTC năm Công ty, ko phải thực hiện BCTC hợp nhất.

Công ty VMG phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

Công ty VMG công bố báo cáo đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty VMG phải công bố đầy đủ báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

Công ty VMG phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý, công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp Công ty VMG đã thực hiện công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố báo cáo tài chính quý.

Trường hợp nếu chỉ có Báo cáo tài chính Công ty (không có Báo cáo tài chính hợp nhất) thì thời hạn nộp báo cáo là trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

c) Công bố báo cáo tài chính bán niên:

Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

Công ty VMG phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

d) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại điểm a, b, c, Khoản 1 Mục B Điều này, Công ty VMG phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp như sau: i) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; ii) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; iii) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Công bố báo cáo thường niên:

Công ty VMG phải công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Công ty VMG công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ 06 tháng và năm theo năm dương lịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC và gửi cho SGDCK, UBCKNN hai (02) bản báo cáo bao gồm:

a) Một (01) bản báo cáo đầy đủ các nội dung theo mẫu Phụ lục kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

b) Một (01) bản báo cáo theo mẫu Phụ lục kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư 96/2020/TT-BTC để SGDCK thực hiện công bố thông tin.

c) Một (01) bản dữ liệu điện tử theo quy định của Quy chế CBTT tại SGDCK;

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, *tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;*

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, *tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;*

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn **10** ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

u) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất đối với công ty đại chúng là công ty mẹ);

v) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 10 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK, VSD và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 14. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Công ty với tư cách là công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này.

Chương V

PHỐI HỢP THỰC HIỆN, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Phối hợp thực hiện

1. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin, trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các đơn vị trong Công ty cung cấp. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người được ủy quyền công bố thông tin.

3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Người đại diện theo pháp luật và HĐQT về kết quả thực hiện.

Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị nhắc nhở, cảnh cáo, kỷ luật bởi Công ty hoặc sẽ bị xử phạt vi phạm bởi cơ quan quản lý theo các quy định của pháp luật hiện hành; nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại, đối tượng vi phạm phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý thực hiện xử lý vi phạm về công bố thông tin theo Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nghị định 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.

